

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 2

NGÀNH: Công nghệ Sinh học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2026-2027

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kiểm nghiệm thuốc sinh học	CSA0323133	7	7	3	37	37	16		16 / ( 4 tuần)
2	Quá trình và thiết bị trong công nghệ sinh học	CSA0323073	7	7	3	39	39		12	12 / ( 3 tuần)
3	Thực tập thực tế	CSA0300033	7	7	3			90		90 / ( 4 tuần)
4	Các môn tự chọn		7	7	5					
	<i>Công nghệ sản xuất vaccin</i>	CSA0323032	7	7	2	30	30			
	<i>Công nghệ vi sinh trong SXDP</i>	CSA0323013	7	7	3	39	39		12	12 / ( 3 tuần)
	<i>Độc chất</i>	CSA0611012	7	7	2	24	24	12		12 / ( 3 tuần)
	<i>Điện di và phân tích nhiệt</i>	CSA0611082	7	7	2	26	26	8		8 / ( 2 tuần)
	<i>Công nghệ tế bào gốc</i>	CSA0315122	7	7	2	30	30			
<b>Cộng:</b>					<b>14</b>	<b>76</b>	<b>76</b>	<b>106</b>	<b>12</b>	
5	Công nghệ enzym	CSA0315063	8	8	3	37	37	16		16 / ( 4 tuần)
6	KLTN/ Học phần Tốt nghiệp	CSA0099148	8	8	8					
	<i>Miễn dịch phân tử</i>	CSA0521092	8	8	2	30	30			
	<i>Công nghệ sinh học nano</i>	CSA0315112	8	8	2	30	30			
	<i>Thực phẩm chức năng</i>	CSA0323182	8	8	2	26	26		8	8 / ( 2 tuần)
	<i>Phân tích thông tin khoa học trong lĩnh vực sinh học</i>	CSA0323192	8	8	2	10	10	40		40 / ( 10 tuần)
<b>Cộng:</b>					<b>11</b>	<b>37</b>	<b>37</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	

Ghi chú: - Học phần có dấu (\*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026  
KT. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC HÀ NỘI  
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 3 KHÓA: 3

NGÀNH: Công nghệ Sinh học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2026-2027

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CSA0812092	5	5	2	22	22		8	8 / ( 2 tuần)
2	Sinh học phân tử	CSA0315093	5	5	3	45	45			
3	Bệnh học	CSA0521134	5	5	4	46	46	12	16	28 / ( 7 tuần)
4	Xét nghiệm hóa sinh lâm sàng	CSA0315102	5	5	2	22	22	16		16 / ( 4 tuần)
5	Tin sinh học Đại cương	CSA0320113	5	5	3	33	33	24		24 / ( 6 tuần)
6	Các môn tự chọn		5	5	4					
	<i>Dược liệu 1</i>	CSA0406013	5	5	3	35	35	20		20 / ( 5 tuần)
	<i>Dược động học</i>	CSA0507022	5	5	2	18	18	24		24 / ( 6 tuần)
	<i>Hóa sinh lâm sàng</i>	CSA0315022	5	5	2	30	30			
	<i>Quản lý học đại cương</i>	CSA0703222	5	5	2	22	22		16	16 / ( 4 tuần)
	<i>Vì sinh thực phẩm</i>	CSA0320132	5	5	2	24	24		12	12 / ( 3 tuần)
<b>Cộng:</b>					<b>18</b>	<b>168</b>	<b>168</b>	<b>52</b>	<b>24</b>	
7	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	CSA0812072	6	6	2	21	21		9	9 / ( 3 tuần)
8	Tiếng Anh chuyên ngành	CSA0813132	6	6	2	30	30			
9	Công nghệ gen	CSA0323113	6	6	3	35	35	20		20 / ( 5 tuần)
10	Công nghệ lên men	CSA0323063	6	6	3	35	35	20		20 / ( 5 tuần)
11	Công nghệ protein tái tổ hợp	CSA0315083	6	6	3	35	35	20		20 / ( 5 tuần)
12	Các môn tự chọn		6	6	4					
	<i>Dược liệu 2</i>	CSA0406022	6	6	2	22	22	12	4	16 / ( 4 tuần)
	<i>Dược lý đại cương</i>	CSA0507032	6	6	2	22	22	16		16 / ( 4 tuần)
	<i>Gen dược học đại cương</i>	CSA0315132	6	6	2	30	30			
<b>Cộng:</b>					<b>17</b>	<b>156</b>	<b>156</b>	<b>60</b>	<b>9</b>	

Ghi chú: - Học phần có dấu (\*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026  
KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI  
Đinh Thị Thanh Hải

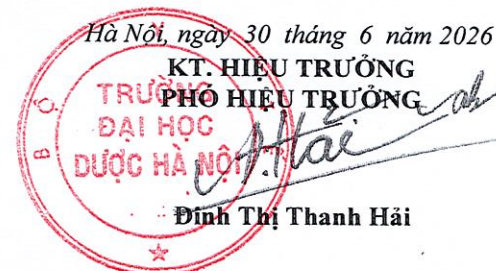
KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 2 KHÓA: 4

NGÀNH: Công nghệ Sinh học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2026-2027

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kinh tế chính trị Mác Lênin	CSA0812062	3	3	2	22	22		8	8 / ( 2 tuần)
2	Nghiên cứu khoa học - Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	CSA0703312	3	3	2	22	22	16		16 / ( 4 tuần)
3	Giáo dục thể chất 3 *	CSA0816031	3	3	1			15		15 / ( 8 tuần)
4	Hóa hữu cơ 2	CSA0210022	3	3	2	24	24	12		12 / ( 3 tuần)
5	Hóa phân tích	CSA0611283	3	3	3	35	35	20		20 / ( 5 tuần)
6	Vi sinh - Ký sinh trùng 1	CSA0320042	3	3	2	24	24	12		12 / ( 3 tuần)
7	An toàn sinh học	CSA0320122	3	3	2	26	26		8	8 / ( 2 tuần)
8	Các môn tự chọn		3	3	2					
	<i>Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm</i>	CSA0703422	3	3	2	22	22		16	16 / ( 4 tuần)
	<i>Kỹ năng lập kế hoạch, ra quyết định và giải quyết vấn đề</i>	CSA0703432	3	3	2	22	22		16	16 / ( 4 tuần)
	<i>Kỹ năng học đại học và học tập suốt đời</i>	CSA0320172	3	3	2	24	24		12	12 / ( 3 tuần)
<b>Cộng:</b>					<b>15</b>	<b>153</b>	<b>153</b>	<b>75</b>	<b>16</b>	
9	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CSA0812052	4	4	2	22	22		8	8 / ( 2 tuần)
10	Giáo dục quốc phòng an ninh*	CSA0099428	4	4	8	77	77	72	16	88 / ( 2 tuần)
11	Hoá sinh	CSA0315013	4	4	3	35	35	20		20 / ( 5 tuần)
12	Hóa lý	CSA0118053	4	4	3	33	33	24		24 / ( 6 tuần)
13	Vi sinh - Ký sinh trùng 2	CSA0320052	4	4	2	26	26	8		8 / ( 2 tuần)
14	Quản lý học đại cương	CSA0703222	4	4	2	22	22		16	16 / ( 4 tuần)
15	Các môn tự chọn		4	4	4					
	<i>Thực vật</i>	CSA0417082	4	4	2	20	20	20		20 / ( 5 tuần)
	<i>Giải phẫu sinh lý</i>	CSA0521034	4	4	4	46	46	28		28 / ( 7 tuần)
	<i>Sinh lý bệnh miễn dịch</i>	CSA0521112	4	4	2	26	26	8		8 / ( 2 tuần)
	<i>Bệnh học</i>	CSA0521134	4	4	4	46	46	12	16	28 / ( 7 tuần)
<b>Cộng:</b>					<b>16</b>	<b>215</b>	<b>215</b>	<b>124</b>	<b>40</b>	

Ghi chú: - Học phần có dấu (\*) không tính vào tổng số TCCB



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 5

NGÀNH: Công nghệ Sinh học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2026-2027

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tiếng Anh 1	CSA0813092	1	1	2	30	30			
2	Pháp luật đại cương	CSA0703282	1	1	2	24	24		12	12 / ( 3 tuần)
3	Giáo dục thể chất 1 *	CSA0816011	1	1	1			15		15 / ( 8 tuần)
4	Sinh học đại cương	CSA0320093	1	1	3	33	33	20	4	24 / ( 6 tuần)
5	Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo cơ bản	CSA0819143	1	1	3	25	25	40		40 / ( 10 tuần)
6	Hóa đại cương - vô cơ	CSA0809052	1	1	2	24	24	12		12 / ( 3 tuần)
7	Vật lý ứng dụng	CSA0824072	1	1	2	24	24	12		12 / ( 3 tuần)
<b>Cộng:</b>					<b>14</b>	<b>160</b>	<b>160</b>	<b>99</b>	<b>16</b>	
8	Triết học Mác Lênin	CSA0812083	2	2	3	33	33		12	12 / ( 3 tuần)
9	Tiếng Anh 2	CSA0813102	2	2	2	30	30			
10	Giáo dục thể chất 2 *	CSA0816021	2	2	1			15		15 / ( 8 tuần)
11	Hóa hữu cơ	CSA0210133	2	2	3	35	35	20		20 / ( 5 tuần)
12	Thông kê sinh học	CSA0819152	2	2	2	30	30			
13	Sinh học tế bào	CSA0323153	2	2	3	37	37	16		16 / ( 4 tuần)
14	Nhập môn Công nghệ sinh học	CSA0323083	2	2	3	35	35	8	12	20 / ( 5 tuần)
<b>Cộng:</b>					<b>16</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>59</b>	<b>24</b>	

Ghi chú: - Học phần có dấu (\*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải